

Số: /KH-UBND

Bình Lư, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn xã Bình Lư

Căn cứ Kế hoạch số 5614/KH-UBND ngày 06/07/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Đề án chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Ủy ban nhân dân xã Bình Lư ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026-2030” như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng của vị thành niên (VTN), thanh niên (TN), gia đình và cộng đồng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục (SKTD); tạo điều kiện để vị thành niên, thanh niên được tiếp cận các thông tin, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện, chất lượng; tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể trong công tác truyền thông, tư vấn, giáo dục và chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, góp phần nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

Chỉ tiêu đến năm 2030:

- 100% các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn xã triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên theo chức năng, nhiệm vụ.
- 100% thôn, bản được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.
- Phần đầu tỷ suất sinh đặc trưng lứa tuổi 15-19 (ASFR, 15-19 tuổi) giảm xuống dưới 18 trẻ đẻ sống/1.000 phụ nữ trong nhóm tuổi.
- Tỷ lệ phá thai ở vị thành niên trên tổng số ca phá thai dưới 1%.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể 1. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và huy động nguồn lực thực hiện công tác chăm sóc sức

khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên trên địa bàn xã.

Chỉ tiêu đến năm 2030:

- 100% các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn xã triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Hằng năm, UBND xã bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách địa phương theo khả năng cân đối và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các hoạt động của Kế hoạch.
- 100% các thôn, bản được tuyên truyền, triển khai các hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

Mục tiêu cụ thể 2. Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

Chỉ tiêu đến năm 2030:

- 85% vị thành niên, thanh niên từ 15 đến 24 tuổi trên địa bàn xã có hiểu biết đúng và đầy đủ về dự phòng mang thai ngoài ý muốn và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
- 100% trường THCS, THPT, giáo dục nghề nghiệp đưa nội dung giáo dục giới tính/SKSS/SKTD vào chương trình đào tạo chính khóa, ngoại khóa đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.
- Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trên địa bàn triển khai và duy trì mô hình góc truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Mục tiêu cụ thể 3. Tăng cường khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện đối với vị thành niên, thanh niên.

Chỉ tiêu đến năm 2030:

- Trạm Y tế xã duy trì cung cấp các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện đối với vị thành niên, thanh niên theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.
- Phần đầu 80% nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại của phụ nữ trong độ tuổi 15–24 trên địa bàn xã được đáp ứng theo khả năng cung ứng của hệ thống y tế.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CAN THIỆP

1. Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến hết năm 2030.

2. Phạm vi can thiệp

Kế hoạch được triển khai trên địa bàn toàn xã; thực hiện đồng bộ, phù hợp với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương nhằm nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

3. Đối tượng

- Vị thành niên và thanh niên, trong đó bao gồm các nhóm đối tượng ưu tiên sau: nhóm VTN trong độ tuổi từ 10 đến 13 tuổi; TN chưa kết hôn; nhóm VTN, TN khuyết tật; nhóm VTN, TN di cư; nhóm VTN, TN là người dân tộc thiểu số; nhóm thanh niên kể cả người trẻ dưới 30 tuổi; Vị thành niên, thanh niên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn; Vị thành niên, thanh niên có hoàn cảnh khó khăn hoặc thuộc các nhóm có nguy cơ cao; nhóm đồng giới.

- Cán bộ, nhân viên Trạm Y tế xã và những người trực tiếp tham gia công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục; cha mẹ, người chăm sóc trẻ; cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, các tổ chức chính trị - xã hội, trường bản và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhóm giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS), sức khỏe tình dục vị thành niên (SKTD VTN), thanh niên; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, đoàn thể trong tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN; thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình thực tế để đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương theo khả năng cân đối; đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các hoạt động của Kế hoạch.

2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, vận động, truyền thông thay đổi hành vi và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Tuyên truyền, vận động về tầm quan trọng của công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục (SKSS, SKTD) đối với vị thành niên, thanh niên (VTN, TN) đến cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, các tổ

chức chính trị - xã hội, các trường học, trường bản và Nhân dân thông qua hội nghị, hội nghị lồng ghép, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể, các buổi truyền thông trực tiếp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao SKSS, SKTD VTN, TN.

- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của gia đình, nhà trường và cộng đồng về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN; chú trọng cung cấp thông tin, kiến thức về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN, cha mẹ, người chăm sóc trẻ, giáo viên, cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ và nhân viên y tế.

- Thực hiện truyền thông về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN thông qua các tài liệu, tờ rơi, pa nô, áp phích, sổ tay, video truyền thông và các tài liệu chuyên môn do ngành y tế cung cấp.

- Nội dung truyền thông, tư vấn phù hợp với từng độ tuổi và nhóm đối tượng; chú trọng trang bị kiến thức và kỹ năng về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng chống xâm hại tình dục trẻ em; giới thiệu địa chỉ cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện trên địa bàn.

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, Cổng thông tin điện tử của xã, các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt thôn, bản và các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác truyền thông; khai thác, sử dụng các nền tảng số, tài liệu điện tử và sản phẩm truyền thông do Bộ Y tế, Sở Y tế và các cơ quan chuyên môn cung cấp nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

- Thực hiện các hoạt động truyền thông phù hợp đối với các nhóm ưu tiên như VTN, TN là người dân tộc thiểu số, học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, thanh niên vùng khó khăn, VTN, TN khuyết tật và các nhóm có nguy cơ cao.

- Phối hợp với các trường học triển khai giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống, chăm sóc SKSS, SKTD theo hướng dẫn của ngành Giáo dục và ngành Y tế; xây dựng, duy trì góc truyền thông hoặc góc tư vấn về SKSS, SKTD phù hợp với từng bậc học; lồng ghép nội dung chăm sóc SKSS, SKTD vào các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể, các cuộc thi tìm hiểu kiến thức trong nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, truyền thông, tư vấn theo chuyên đề về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN tại các trường học và cộng đồng.

- Khuyến khích thành lập, duy trì và nhân rộng các câu lạc bộ, nhóm truyền thông đồng đẳng về chăm sóc SKSS, SKTD tại trường học và cộng đồng;

tăng cường truyền thông, tư vấn cho cha mẹ học sinh và người chăm sóc trẻ.

- Tuyên truyền, vận động nam, nữ thanh niên thực hiện kết hôn và sinh con đúng độ tuổi, xây dựng gia đình hạnh phúc, góp phần duy trì mức sinh thay thế theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các hoạt động truyền thông, các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Nhóm giải pháp về cung cấp dịch vụ

- Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện đối với VTN, TN tại Trạm Y tế xã theo quy định của Bộ Y tế.

- Tăng cường phối hợp giữa Trạm Y tế xã với các trường học trong công tác tư vấn, truyền thông, phát hiện và giới thiệu các trường hợp cần được tư vấn, khám, điều trị chuyên sâu đến cơ sở y tế tuyến trên.

- Triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương:

- + Tại cộng đồng: Phát huy vai trò của nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số và các tổ chức đoàn thể trong truyền thông, tư vấn và hỗ trợ VTN, TN tiếp cận các dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD; lồng ghép hoạt động chăm sóc SKSS với các chương trình y tế khác tại địa phương.

- + Tại Trạm Y tế xã: Duy trì hoặc bố trí khu vực tư vấn thân thiện, bảo đảm sự riêng tư, bảo mật thông tin; thực hiện tư vấn, khám, chăm sóc SKSS, SKTD theo hướng dẫn chuyên môn; tạo điều kiện thuận lợi để VTN, TN tiếp cận dịch vụ.

- + Tại trường học: Phối hợp với các trường học tổ chức các hoạt động tư vấn, truyền thông, chăm sóc sức khỏe ban đầu và giới thiệu học sinh có nhu cầu đến cơ sở y tế để được tư vấn, hỗ trợ.

- Bảo đảm cung ứng đầy đủ các phương tiện tránh thai, thuốc thiết yếu và các dịch vụ chăm sóc SKSS theo quy định; tư vấn sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn, phù hợp cho các đối tượng có nhu cầu.

- Lựa chọn, triển khai các mô hình chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

4. Nhóm giải pháp về đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực

- Tạo điều kiện để cán bộ Trạm Y tế xã tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN do cấp trên tổ chức.

- Thường xuyên cập nhật kiến thức, hướng dẫn chuyên môn mới; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm trong công tác chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN.

- Phối hợp với các đơn vị y tế tuyến trên tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ y tế xã và cộng tác viên khi cần thiết.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tư vấn và theo dõi công tác chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN.

5. Nhóm giải pháp về tăng cường phối hợp liên ngành

- Trạm Y tế xã chủ trì, phối hợp với các trường học, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Công an xã, các tổ chức chính trị - xã hội và trưởng bản triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Phối hợp tổ chức các chiến dịch truyền thông, các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe VTN, TN; huy động sự tham gia của gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe VTN, TN.

6. Nhóm giải pháp về quản lý thông tin, theo dõi, giám sát và đánh giá

- Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê, báo cáo về công tác chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN theo hướng dẫn của ngành y tế; cập nhật số liệu theo nhóm tuổi, giới tính và các đối tượng ưu tiên.

- Tăng cường quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin phục vụ công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động tại Trạm Y tế, các trường học và các thôn, bản; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương; ngân sách địa phương; nguồn bảo hiểm y tế; nguồn vốn viện trợ, hợp tác quốc tế; nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trạm Y tế xã

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, trường học và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các trường học, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện đối với vị thành niên, thanh niên.

- Thực hiện thống kê, theo dõi, kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp với Trạm Y tế xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND xã triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã; phối hợp tham mưu bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

- Phối hợp với Trạm Y tế xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên trên hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử của xã, mạng xã hội và các hình thức tuyên truyền phù hợp khác.

- Hướng dẫn các thôn, bản tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn.

4. Các trường học trên địa bàn xã

- Phối hợp với Trạm Y tế xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tư vấn về giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho học sinh phù hợp với từng cấp học.

- Đẩy mạnh giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục trong nhà trường; lồng ghép nội dung giáo dục giới tính, kỹ năng sống liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vào các hoạt động chính khóa, ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm và sinh hoạt tập thể theo hướng dẫn của ngành Giáo dục.

- Duy trì và phát huy hiệu quả góc truyền thông, góc tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục tại Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và các trường học có điều kiện; tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong công tác tuyên truyền, giáo dục.

5. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Trạm Y tế xã tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép tuyên truyền trong các phong trào, cuộc vận động và hoạt động của tổ chức.

6. Các thôn, bản

- Phối hợp với Trạm Y tế xã và các tổ chức đoàn thể triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên tại cộng đồng.

- Tuyên truyền, vận động các gia đình quan tâm chăm sóc, giáo dục vị thành niên, thanh niên; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về UBND xã.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, UBND xã đề nghị các ban, ngành, đoàn thể, các trường học và thôn, bản trên địa bàn xã nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Y tế;
- TT: Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch; các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- Các thôn, bản trên địa bàn xã;
- Phòng VH-XH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Nhàn